

Số: 107/BC-ĐHKTCN

Thái Nguyên, ngày 18 tháng 7 năm 2019

BÁO CÁO

Kết quả lấy ý kiến người học về hoạt động giảng dạy của giảng viên học kỳ II năm học 2018 – 2019

Thực hiện Quyết định số 14/QĐ-ĐHKTCN, ngày 02/4/2018 của Hiệu Trưởng trường ĐHKTCN về việc Ban hành Quy định công tác khảo sát lấy ý kiến phản hồi từ người học về hoạt động giảng dạy của giảng viên và Thông báo số 57/TB-ĐHKTCN, ngày 16/04/2019 của Hiệu Trưởng trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp về việc khảo sát lấy ý kiến người học về hoạt động giảng dạy của giảng viên học kỳ II năm học 2018-2019. Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng giáo dục báo cáo với Ban Giám hiệu và gửi các đơn vị đào tạo kết quả lấy ý kiến phản hồi của người học về hoạt động giảng dạy của giảng viên, học kỳ II năm học 2018-2019 như sau:

I. Mục đích khảo sát

Mục đích của việc lấy ý kiến phản hồi của người học về hoạt động giảng dạy của giảng viên là thu thập thông tin đánh giá khách quan của người học giúp Ban Giám hiệu, các Khoa, Bộ môn chuyên môn và các giảng viên nắm bắt thường xuyên tình hình giảng dạy trong toàn trường, nhằm điều chỉnh kịp thời hoạt động giảng dạy góp phần nâng cao chất lượng đào tạo.

II. Tổ chức thực hiện

1. Đối tượng và phạm vi khảo sát

- Đối tượng khảo sát: sinh viên chính quy đã đăng kí môn học/học phần lý thuyết trong học kỳ II năm học 2018-2019.

- Phạm vi khảo sát: tất cả các môn học/học phần lý thuyết theo kế hoạch đào tạo trong học kỳ II năm học 2018-2019.

2. Đơn vị, cá nhân tổ chức thực hiện

Theo Quy định công tác khảo sát lấy ý kiến phản hồi của người học về hoạt động giảng dạy của giảng viên, các đơn vị, cá nhân tham gia công tác lấy ý kiến người học về hoạt động của giảng viên như sau:

- Trung tâm CNTT&TV chuẩn bị và vận hành hệ thống khảo sát online để lấy ý kiến phản hồi của sinh viên.

- Phòng KT&ĐBCLGD tổ chức, kiểm tra công tác khảo sát trực tuyến; lập danh sách sinh viên không tham gia đánh giá gửi phòng Công tác HSSV và phòng Đào tạo để xử lý theo quy định; tổng hợp kết quả công tác khảo sát báo cáo Ban Giám hiệu xem xét, chỉ đạo.

- Các khoa, bộ môn triển khai công tác lấy ý kiến sinh viên.

3. Thời gian khảo sát:

Đợt 1 từ ngày 20/4/2019 đến hết ngày 19/5/2019, đợt 2 từ 20/5/2019 đến hết ngày 30/5/2019.

4. Phương pháp khảo sát

- Phòng KT&ĐBCLGD triển khai lấy ý kiến phản hồi bằng phiếu khảo sát trực tuyến trên website của Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp, theo địa chỉ: <http://khaosat.tnut.edu.vn>

5. Công cụ khảo sát

Công cụ sử dụng trong quá trình khảo sát là bảng hỏi có cấu trúc và nội dung như sau:

a. Cấu trúc bảng hỏi: bao gồm 22 tiêu chí tương ứng với 21 câu hỏi định lượng và 01 câu hỏi mở (Bảng 3, Phụ lục). Trong đó các câu hỏi được chia thành 5 nhóm như sau:

- Nhóm 1: Chuẩn bị tài liệu giảng dạy và nội dung môn học;
- Nhóm 2: Phương pháp giảng dạy;
- Nhóm 3: Kiểm tra, đánh giá;
- Nhóm 4: Thái độ và tác phong sư phạm;
- Nhóm 5: Ý kiến khác (Câu hỏi mở).

b. Thang đo được thiết kế theo thang **Likert 5 mức độ**, thể hiện trong bảng 1 như sau:

Bảng 1: Thang đo Likert 5 mức độ

Rất không hài lòng	Không hài lòng	Không ý kiến	Hài lòng	Rất hài lòng
1	2	3	4	5

6. Cách tính điểm trung bình

Điểm trung bình từng tiêu chí và điểm trung bình chung của mỗi giảng viên/học phần được xác định như sau:

$$D_{TC} = \frac{\sum_{i=1}^5 n_i \cdot M_i}{N}$$

Trong đó: D_{TC} là điểm trung bình chung của tiêu chí.

N là tổng số phiếu hợp lệ.

M là điểm đánh giá của tiêu chí.

n là tổng số phiếu hợp lệ được đánh giá điểm “M”.

$i = \overline{1-5}$ là số chỉ mức độ đánh giá.

Kết quả trung bình chung được chia thành 4 cấp độ theo các khoảng điểm như sau:

Khoảng điểm	Từ 4,2 đến <5	Từ 3,4 đến <4,2	Từ 2,6 đến <3,4	Từ 1,8 đến <2,6
Phân loại	Tốt	Khá	Trung bình	Yếu

III. Kết quả thống kê ý kiến phản hồi của người học

Dữ liệu khảo sát được thu thập trực tiếp từ Hệ thống máy chủ của nhà trường bằng phần mềm Access và được tổng hợp trong Bảng 2; kết quả khảo sát (phụ lục kèm theo) với cỡ mẫu đảm bảo đủ lớn ứng với độ tin cậy 95 % và sai số tối đa 10%.

Bảng 2: Kết quả tổng hợp

Stt	Dữ liệu thống kê	Số lượng	Tỉ lệ (%)	Ghi chú
1	Số giảng viên được lấy ý kiến/ Số giảng viên giảng dạy lý thuyết	247/247	100	
2	Số lớp học phần được lấy ý kiến/Số lớp học phần giảng dạy	531/531	100	
3	Số lượt sinh viên tham gia khảo sát/Số lượt sinh viên đã đăng ký học các học phần lý thuyết	18.436/30.349	60,75	
4	Số phiếu khảo sát hợp lệ	18.436/18.436	100	
5	Số lớp học phần có số phiếu trả lời đủ cỡ mẫu	258/531	48,59	
6	Số lớp học phần có số phiếu trả lời không đủ cỡ mẫu	273/521	51,41	Danh sách kèm theo
7	Số lượt giảng viên được đánh giá mức “Tốt”	200/258	80,97	Kết quả thống kê kèm theo
8	Số lượt giảng viên được đánh giá mức “Khá”	47/258	19,03	Kết quả thống kê kèm theo
9	Số lượt giảng viên được đánh giá mức “Trung bình” và “Yếu”.	0	0	

IV. Nhận xét và kiến nghị

1. Nhận xét

Ưu điểm:

- Triển khai công tác lấy ý kiến khảo sát tới toàn bộ sinh viên đã đăng ký học các học phần lý thuyết trong học kỳ II năm học 2018-2019 đúng kế hoạch.
- Phương pháp thu thập, phân tích ý kiến của sinh viên đảm bảo trung thực, khách quan do vậy kết quả lấy ý kiến của người học về giảng viên có độ tin cậy cao.
- Đã khắc phục được tình trạng “ghẽn” Hệ thống trong quá trình khảo sát.
- Tỷ lệ giảng viên giảng dạy lý thuyết được đánh giá ở mức “Tốt” tăng 17,43% so với học kỳ I, năm học 2018-2019.
- Không có giảng viên giảng dạy lý thuyết bị đánh giá ở mức “Trung bình” (học kỳ I, năm 2018-2019 có 01 giảng viên).

Tồn tại

- Số lượt sinh viên tham gia khảo sát giảm 16,75% so với học kỳ I.
- Số lớp học phần đủ cỡ mẫu (đảm bảo độ tin cậy 95%, sai số 10%) giảm 12,44% (có danh sách kèm theo).
- Một số sinh viên chưa có ý thức, trách nhiệm tham gia cho ý kiến về hoạt động giảng dạy của học phần đã đăng ký trong học kỳ dẫn đến hoạt động lấy ý kiến kéo dài thời hạn và khó khăn cho công tác đăng ký học các học phần ở các kỳ học tiếp theo.

2. Kiến nghị

- Nhà trường xây dựng phần mềm khảo sát mới và chuẩn bị Hệ thống thông tin ổn định để việc lấy ý kiến sinh viên được thông suốt.
- Kết quả lấy ý kiến phản hồi từ người học về hoạt động giảng dạy của giảng viên (Học kỳ II năm học 2018-2019) được sử dụng để tham khảo cho công tác quản lý cấp Trường, lãnh đạo khoa, bộ môn; các dữ liệu được lưu trữ, tiếp tục cập nhật để báo cáo các cấp quản lý theo yêu cầu và để sử dụng trong công tác đảm bảo chất lượng của Nhà trường.
- Các khoa, bộ môn tiếp tục quán triệt, nhắc nhở tới toàn thể giảng viên (đặc biệt là những giảng viên chưa hoàn thành khảo sát trong danh sách kèm theo) và người học thực hiện công tác lấy ý kiến người học về hoạt động giảng dạy của giảng viên đúng kế hoạch theo quy định của Nhà trường.
- Phòng KT&ĐBCLGD lập kế hoạch và tiếp tục triển khai công tác lấy ý kiến phản hồi của người học về hoạt động giảng dạy của giảng viên trong kỳ học tới (đảm bảo 100%

Đ
G
C
AT
HBP
NG

số học phần và GV giảng dạy trong năm học tiếp theo được lấy ý kiến).

- Trung tâm CNTT-TV, Phòng Đào tạo và các khoa/bộ môn tiếp tục phối hợp với Phòng KT&ĐBCLGD triển khai công tác lấy ý kiến phản hồi của người học về hoạt động giảng dạy của giảng viên trong học kỳ II năm học 2018-2019 đúng tiến độ và đạt kết quả cao.

3. Khuyến nghị

Sau khi nhận được “Kết quả khảo sát ý kiến người học”, Trưởng bộ môn trả kết quả khảo sát cho từng giảng viên và thực hiện các khuyến nghị sau:

- Xếp loại **Tốt** (điểm từ 4,2 đến <5) : Giảng viên tiếp tục duy trì và phổ biến rộng rãi kinh nghiệm cho đồng nghiệp.

- Xếp loại **Khá** (điểm từ 3,4 đến <4,2): Giảng viên cải thiện những tiêu chí có điểm nhỏ hơn 4,0.

- Xếp loại **Trung bình** (điểm từ 2,6 đến <3,4): Giảng viên xây dựng Kế hoạch cải thiện và báo cáo Trưởng bộ môn để theo dõi.

- Xếp loại **Yếu** (điểm từ 1,8 đến <2,6): Giảng viên xây dựng Kế hoạch cải thiện và báo cáo Trưởng bộ môn khắc phục ngay trong kỳ học tiếp theo.

Nơi nhận:

- Ban Giám hiệu;
- Các khoa, bộ môn;
- Phòng KT&ĐBCLGD;
- Lưu VT.

TL. HIỆU TRƯỞNG
TRƯỞNG PHÒNG KT&ĐBCLGD



PGS.TS. Nguyễn Văn Tuấn

PHỤ LỤC

Bảng 3: Phiếu hỏi

Phản đánh giá có 5 mức độ, tăng dần từ 1-5:

1-Rất không hài lòng 2-Không hài lòng 3-Không có ý kiến 4-Hài lòng 5-Rất hài lòng

TT	Nội dung	Mức độ đánh giá				
		1	2	3	4	5
1	Chuẩn bị tài liệu giảng dạy và nội dung môn học					
1.1	Đề cương chi tiết môn học được giới thiệu rõ ràng về mục tiêu, nội dung và hình thức kiểm tra đánh giá					
1.2	Nội dung bài giảng được thiết kế cô đọng, mạch lạc và súc tích					
1.3	Bài giảng môn học/học phần có nhiều nội dung, thông tin mới và bổ ích					
1.4	Nội dung môn học/học phần được giảng dạy đầy đủ và phù hợp với mục tiêu môn học					
1.5	Tài liệu giảng dạy (bài giảng, sách ra bài tập kèm hướng dẫn giải và nguồn tài liệu tham khảo) được cập nhật thường xuyên và đầy đủ lên trang E-learning					
2	Phương pháp giảng dạy	1	2	3	4	5
2.1	Áp dụng nhiều phương pháp giảng dạy tích cực thu hút sự chú ý của sinh viên					
2.2	Cách tiếp cận vấn đề, trình bày và truyền đạt nội dung học phần rõ ràng, dễ hiểu					
2.3	Thường xuyên liên hệ nội dung học phần với thực tế, nhấn mạnh nội dung trọng tâm của môn học/học phần					
2.4	Khuyến khích sinh viên tư duy độc lập, tích cực trao đổi, phân biệt các nội dung liên quan đến môn học					
2.5	Khuyến khích sinh viên nêu câu hỏi và giải đáp một cách thỏa đáng					
2.6	Sinh viên được hướng dẫn cách tự học, tự nghiên cứu					
2.7	Sử dụng hiệu quả các trang thiết bị phục vụ học tập (máy chiếu, loa, đài...)					

TT	Nội dung	Mức độ đánh giá				
2.8	Triển khai học tập theo nhóm, quản lý và bao quát lớp học hiệu quả					
3	Kiểm tra đánh giá	1	2	3	4	5
3.1	Hình thức kiểm tra đa dạng và phù hợp với nội dung học phần					
3.2	Kết quả kiểm tra đánh giá chính xác, khách quan, công bằng và phản ánh đúng năng lực của sinh viên					
3.3	Kết quả và đáp án của bài kiểm tra thường xuyên được công bố công khai và đúng thời hạn					
4	Thái độ và tác phong sư phạm	1	2	3	4	5
4.1	Đảm bảo giờ lên lớp và kế hoạch giảng dạy					
4.2	Tôn trọng và ứng xử đúng mực với sinh viên					
4.3	Tạo được môi trường học tập tích cực, thân thiện					
4.4	Quan tâm đến giáo dục đạo đức, ý thức tổ chức kỷ luật cho sinh viên					
4.5	Mức độ hài lòng của bạn về môn học/học phần					

5. Ý kiến khác

Em hãy cho biết những gì ấn tượng nhất về giảng viên và môn học/học phần này?

.....

PHỤ LỤC

Bảng 3: Phiếu hỏi

Phần đánh giá có 5 mức độ, tăng dần từ 1-5:

1-Rất không hài lòng 2-Không hài lòng 3-Không có ý kiến 4-Hài lòng 5-Rất hài lòng

TT	Nội dung	Mức độ đánh giá				
		1	2	3	4	5
1	Chuẩn bị tài liệu giảng dạy và nội dung môn học					
1.1	Đề cương chi tiết môn học được giới thiệu rõ ràng về mục tiêu, nội dung và hình thức kiểm tra đánh giá					
1.2	Nội dung bài giảng được thiết kế cô đọng, mạch lạc và súc tích					
1.3	Bài giảng môn học/học phần có nhiều nội dung, thông tin mới và bổ ích					
1.4	Nội dung môn học/học phần được giảng dạy đầy đủ và phù hợp với mục tiêu môn học					
1.5	Tài liệu giảng dạy (bài giảng, sách ra bài tập kèm hướng dẫn giải và nguồn tài liệu tham khảo) được cập nhật thường xuyên và đầy đủ lên trang E-learning					
2	Phương pháp giảng dạy	1	2	3	4	5
2.1	Áp dụng nhiều phương pháp giảng dạy tích cực thu hút sự chú ý của sinh viên					
2.2	Cách tiếp cận vấn đề, trình bày và truyền đạt nội dung học phần rõ ràng, dễ hiểu					
2.3	Thường xuyên liên hệ nội dung học phần với thực tế, nhấn mạnh nội dung trọng tâm của môn học/học phần					
2.4	Khuyến khích sinh viên tư duy độc lập, tích cực trao đổi, phản biện các nội dung liên quan đến môn học					
2.5	Khuyến khích sinh viên nêu câu hỏi và giải đáp một cách thỏa đáng					
2.6	Sinh viên được hướng dẫn cách tự học, tự nghiên cứu					
2.7	Sử dụng hiệu quả các trang thiết bị phục vụ học tập (máy chiếu, loa, đài...)					

TT	Nội dung	Mức độ đánh giá				
		1	2	3	4	5
1	Chuẩn bị tài liệu giảng dạy và nội dung môn học	1	2	3	4	5
2.8	Triển khai học tập theo nhóm, quản lý và bao quát lớp học hiệu quả					
3	Kiểm tra đánh giá	1	2	3	4	5
3.1	Hình thức kiểm tra đa dạng và phù hợp với nội dung học phần					
3.2	Kết quả kiểm tra đánh giá chính xác, khách quan, công bằng và phản ánh đúng năng lực của sinh viên					
3.3	Kết quả và đáp án của bài kiểm tra thường xuyên được công bố công khai và đúng thời hạn					
4	Thái độ và tác phong sư phạm	1	2	3	4	5
4.1	Đảm bảo giờ lên lớp và kế hoạch giảng dạy					
4.2	Tôn trọng và ứng xử đúng mực với sinh viên					
4.3	Tạo được môi trường học tập tích cực, thân thiện					
4.4	Quan tâm đến giáo dục đạo đức, ý thức tổ chức kỷ luật cho sinh viên					
4.5	Mức độ hài lòng của bạn về môn học/học phần					

5. Ý kiến khác

Em hãy cho biết những gì ấn tượng nhất về giảng viên và môn học/học phần này?

Bảng 4: Kết quả tổng hợp số lượt sinh viên tham gia khảo sát

STT	Khoa/Bộ môn	Số lượt GV được đánh giá	Số lượt SV đăng ký học phần/Môn học	Số lượt SV tham gia đánh giá	Tỉ lệ % (Số SV đánh giá/ Số SV đăng ký học phần)
1	Khoa Cơ bản	18	2511	1450	58.29
1.1	Toán học	13	1651	934	56.57
1.2	Vật lý	5	860	516	60.00
2	Khoa Cơ khí	43	5490	3218	54.82
2.1	Chế tạo máy	19	2182	1283	58.80
2.2	Kỹ thuật vật liệu	6	611	268	43.86
2.3	Thiết kế cơ khí	18	2697	1667	61.81
3	Khoa Điện	44	7040	4616	64.39
3.1	Hệ thống Điện	11	1152	695	60.33
3.2	Kỹ thuật điện	9	1488	909	61.09
3.3	Thiết bị điện	8	1780	1175	66.01
3.4	Tự động hóa	16	2620	1837	70.11
4	Khoa Điện tử	32	2923	1842	63.99
4.1	Cơ - Điện tử	1	129	84	65.12
4.2	Điện tử Viễn thông	7	309	192	62.14
4.3	Đo lường Điều khiển	7	489	330	67.48
4.4	Kỹ thuật Điện tử	5	684	443	64.77
4.5	Tin Học Công Nghiệp	12	1312	793	60.44
5	Khoa Kinh tế công nghiệp	18	1195	626	48.74
5.1	Kế toán doanh nghiệp	5	292	111	38.01
5.2	Pháp luật	3	298	135	45.30
5.3	Quản trị doanh nghiệp	7	420	310	73.81
5.4	Tài chính	3	185	70	37.84
6	Khoa KT Ô tô & MDL	15	3401	1991	58.84
6.1	Cơ học	5	923	549	59.48

STT	Khoa/Bộ môn	Số lượt GV được đánh giá	Số lượt SV đăng ký học phần/Môn học	Số lượt SV tham gia đánh giá	Tỉ lệ % (Số SV đánh giá/ Số SV đăng ký học phần)
6.2	Kỹ thuật ô tô	10	2478	1442	58.19
7	Lý luận chính trị	13	1426	1016	71.25
8	Khoa Quốc tế	30	2877	1510	46.24
8.1	Bộ môn KHTN - gd bằng TA	1	13	4	30.77
8.2	Khoa học tự nhiên giảng dạy bằng TA	3	198	104	52.53
8.3	Kỹ thuật CK giảng dạy bằng TA	2	102	42	41.18
8.4	Kỹ thuật Điện giảng dạy bằng TA	3	352	211	59.94
8.5	Tiếng Anh	18	2068	1091	52.76
8.6	TTHTDTQT	3	144	58	40.28
9	Khoa sư phạm kỹ thuật	11	832	596	75.37
9.1	Công nghệ KT Điện - Điện tử	2	168	125	74.40
9.2	Công nghệ KT- Điện- Điện tử	1	43	39	90.70
9.3	Công nghệ Kỹ thuật Cơ khí	2	280	182	65.00
9.4	PP luận và PP dạy học	3	220	161	73.18
9.5	Tâm lý giáo dục học	3	121	89	73.55
10	Khoa Xây dựng & Môi trường	21	994	523	54.48
10.1	Giao thông	1	33	17	51.52
10.2	Kiến trúc	6	146	79	54.11
10.3	Kỹ thuật môi trường	10	679	343	50.52
10.4	Xây dựng	4	136	84	61.76